

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 3 – 2024
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Sơn.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Như Y, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Tô Minh T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023 nguyên đơn bà Trần Như Y trình bày: Bà và ông Tô Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh C. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm nhưng sau đó thì vợ chồng không còn tiếng nói chung, có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, không còn yêu thương nhau, ông T thường xuyên chơi bời, gây nợ nần không chăm lo cho hai mẹ

con bà. Bà và ông T đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tô Minh T.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung tên Tô Minh H, sinh ngày 28/5/2010, hiện đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Bà Trần Như Y có mặt vẫn bảo lưu quan điểm, yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tô Minh T có mặt có ý kiến trình bày: Ông và bà Y chung sống với nhau vào năm 2009, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H. Ông xác định trong thời gian chung sống, ông có gây nợ nần chưa lo được cho vợ con nhưng ông vẫn còn thương vợ con, xin bà Y cho cơ hội để sửa đổi nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Y có một người con chung tên Tô Minh H, sinh ngày 28/5/2010, hiện đang sống cùng bà Y. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý theo nguyện vọng của con, con theo ai người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Như Y khởi kiện xin ly hôn với ông Tô Minh T, địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Như Y và ông Tô Minh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh C vào ngày 16/5/2016, do đó hôn nhân giữa bà Y và ông T là hợp pháp. Bà Y trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, ông T thường gây nợ nần, không chăm lo vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T xác định ông có gây nợ nần, chưa lo được cho vợ con, ông muốn có thời gian để sửa đổi nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà Y và ông T là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà Y và ông T vẫn không có biện pháp

hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Tại phiên toà hôm nay, bà Y vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T. Xét thấy, hôn nhân của bà Y và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Như Y đối với ông Tô Minh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Y và ông T có một người con chung tên Tô Minh H, sinh ngày 28/5/2010, hiện đang sống cùng bà Y. Sau khi ly hôn, bà Y yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông T có ý kiến tuý theo nguyện vọng của con, con muốn sống với ai người đó nuôi, người không nuôi, không phải cấp dưỡng. Mặt khác, tại Đơn nguyện vọng ngày 28/12/2023 thì Tô Minh H có nguyện vọng được sống cùng với bà Y. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt và theo nguyện vọng của Tô Minh H nên cần giao Tô Minh H cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[2.3] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Như Y phải nộp 300.000 đồng. Bà Y đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014800 ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Như Y, bà Trần Như Y được ly hôn với ông Tô Minh T.

Về con chung: Giao người con chung tên Tô Minh H, sinh ngày 28/5/2010, cho bà Trần Như Y tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu xem xét.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Y.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Như Y phải nộp 300.000 đồng. Bà Y đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014800 ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh C;
- UBND xã V, huyện H;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung